



05/08/22

**DAILY** MORNING

BoE tăng lãi suất 0.5%

## Điểm tin vĩ mô

### Thế giới:

- Dow Jones giảm 0.26% xuống 32,726.82 điểm; Nasdaq Composite tăng 0.41% lên 12,720.58 điểm; S&P 500 giảm 0.08% xuống 4,151.94 điểm.
- Các NHTW toàn cầu tăng lãi suất gần 1,200 điểm cơ bản trong T7, trong đó NHTW Canada tăng mạnh nhất với mức tăng 1%; BoE cũng tăng lãi suất 0.5%, cảnh báo suy thoái kéo dài.
- EU đang từng bước nới lỏng các lệnh trừng phạt với Nga để đảm bảo các quốc gia dễ bị tổn thương vẫn có thể tiếp cận thị trường năng lượng trong đó có Nga.
- Một số nước EU đã quyết định tái khởi động các nhà máy điện than cũ để khắc phục tình trạng thiếu hụt năng lượng đang rất nghiêm trọng.
- Các NĐT nước ngoài tiếp tục cắt giảm lượng nắm giữ trái phiếu Trung Quốc trong T7/2022 và bán phá giá cổ phiếu lần đầu tiên sau 4 tháng.
- Giá khí hóa lỏng LNG tăng đột biến khiến chi phí sản xuất điện tăng lên gây ra những tác động kinh tế tiêu cực với Hàn Quốc và Nhật Bản (các nước nhập khẩu LNG lớn).

### Trong nước

- Phó Thủ tướng: Chính phủ dự kiến sẽ ban hành Quy hoạch điện VIII, với mục tiêu giảm khí thải và đến 2050 có năng lượng vừa đủ để phát triển.
- Tổng cục thuế: 7T đầu năm, tổng thu ngành thuế đạt 911,027 tỷ đồng (+17.2% svck), đạt 77.5% dự toán; đồng thời thực hiện miễn, giảm, gia hạn gần 79.000 tỷ đồng thuế để hỗ trợ người dân và DN phát triển SXKD.
- Cục Hàng không Việt Nam: Triển khai phương án điều chỉnh đường bay tránh vùng tập trận của Trung Quốc để đảm bảo an toàn.
- Trung tâm lưu ký Chứng khoán: Trong T7, số TK giao dịch của NĐT mới mở và số TK NĐT cá nhân lần lượt giảm 57% và 60% so với T6.
- Tổng thu NSNN 7T đầu năm ngành hải quan thực hiện đạt 261,062 tỷ đồng (+12.7% svck); trong đó gần 300 tỷ đồng từ xử lý hơn 9,400 vụ việc VPPL hải quan.
- Nhu cầu vàng của người tiêu dùng tại Việt Nam tăng lên 14 tấn trong Q2/2022 (+11% svck).

## Điểm tin doanh nghiệp

- YEG: Thông qua kế hoạch chuyển nhượng 3 công ty con và dự kiến trong tháng 8 thành lập công ty TNHH Yeah1 Up với VDL 2 tỷ đồng.
- NAB: H1/2022, tổng TS đạt 171,124 tỷ đồng (+12% svck), tiền gửi KH đạt 124,522 tỷ đồng (+8% svck), tiền gửi của các TCTD khác đạt 17,976 tỷ đồng (+38% svck).
- HBS: Ông Trần Kiên Cường từ nhiệm chức vụ chủ tịch HĐQT công ty sau 3T nhận chức.
- BII: Q2/2022, LNR đạt hơn 7.4 tỷ đồng, tăng 3 quý liên tiếp sau khi tham gia hệ sinh thái Louis.
- DHM: Ông Dương Hữu Hiếu - thành viên HĐQT đăng ký bán 1.28 triệu CP.
- TTF: Dự kiến bán 41.1 triệu CP riêng lẻ trong năm 2022 cho CTCP Marina 2 để huy động 452.3 tỷ đồng.
- LCS: Đình chỉ giao dịch từ 9/8 do chậm nộp BCTC soát xét bán niên 2021.
- DBC: Người nhà Chủ tịch HĐQT bán 2 triệu CP, giảm sở hữu từ 3.05% xuống 2.23% VDL.
- TIG: Q2/2022, DTT đạt 196 tỷ đồng (-17% svck); DTTC đạt 121 tỷ đồng (gấp 25 lần svck), nâng LNR lên 89 tỷ đồng.
- TAR: DTT Q2/2022 đạt 765 tỷ đồng, giảm 3% svck, tuy nhiên giảm hơn 7% giúp LNG và LNR tăng tương ứng 31% và 34% svck.
- VGI: Q2/2022 ghi nhận DT đạt 5,850 tỷ đồng, tăng hơn 700 tỷ, LNG tăng 39% lên 2,676 tỷ đồng svck năm 2021.

### Điểm nhấn thị trường

- |                                         |         |
|-----------------------------------------|---------|
| <a href="#">1. TTCK Thế giới</a>        | Trang 2 |
| <a href="#">2. TTCK Việt Nam</a>        | Trang 3 |
| <a href="#">3. Giao dịch khối ngoại</a> | Trang 4 |
| <a href="#">4. Thị trường hàng hóa</a>  | Trang 5 |

|                      | 5/8      | % Sáng<br>5/8 | 4/8      | % Ngày | % Tuần | % Tháng |
|----------------------|----------|---------------|----------|--------|--------|---------|
| VN INDEX             |          |               | 1,254.15 | 0.35%  | 3.81%  | 6.17%   |
| HNX INDEX            |          |               | 297.73   | -0.13% | 2.72%  | 7.12%   |
| VN30 INDEX           |          |               | 1,277.73 | 0.62%  | 3.36%  | 2.87%   |
| Shanghai Composite   |          |               | 3,189.04 | 0.80%  | -2.85% | -6.32%  |
| Nikkei 225 NKY       |          |               | 27,959.2 | 0.10%  | 0.57%  | 5.81%   |
| Korea Kospi          |          |               | 2,489.96 | 0.68%  | 1.57%  | 8.64%   |
| Straits Times STI    |          |               | 3,269.86 | 0.55%  | 1.53%  | 4.80%   |
| Thailand SET         |          |               | 1,598.75 | 0.25%  | 2.93%  | 1.94%   |
| Malaysia FBMKLCI     |          |               | 1,507.71 | 1.15%  | 1.11%  | 4.88%   |
| Philippines PCOMP    |          |               | 6,483.11 | 0.82%  | 1.63%  | 2.74%   |
| Indonesia JCI        |          |               | 7,057.35 | 0.15%  | 1.45%  | 5.28%   |
| S&P500 SPX           |          |               | 4,151.94 | -0.08% | 1.95%  | 8.37%   |
| S&P500 Futures       | 4,156.75 | 0.02%         | 4,152.25 | -0.10% | 0.54%  | 8.00%   |
| Dow Jones Industrial |          |               | 32,726.8 | -0.26% | 0.61%  | 5.68%   |
| Nasdaq Composite     |          |               | 12,720.6 | 0.41%  | 4.59%  | 12.35%  |
| Euro Stoxx 50        |          |               | 3,754.60 | 0.59%  | 2.80%  | 11.75%  |
| FTSE 100 UKX         |          |               | 7,448.06 | 0.03%  | 1.40%  | 6.02%   |
| Russian MOEX         |          |               | 2,116.58 | -0.35% | -3.32% | -4.94%  |

Nguồn: Bloomberg, BSC

| Shanghai Composite |          | S&P 500   |           |
|--------------------|----------|-----------|-----------|
| Xu hướng           | Up trend | Xu hướng  | Giảm điểm |
| Kháng cự           | 3500     | Kháng cự  | 4100      |
| Hỗ trợ             | 3100     | Hỗ trợ    | 3300      |
| Điểm PTKT          | TÍCH CỰC | Điểm PTKT | TRUNG LẬP |

Diễn biến S&P 500



Diễn biến Shanghai Composite



Nguồn: Bloomberg, BSC

| Ngành                         | % Ngày | % Tuần | % Tháng |
|-------------------------------|--------|--------|---------|
| Bán lẻ                        | 1.58%  | 1.20%  | -6.39%  |
| Bảo hiểm                      | -0.16% | 1.86%  | 2.61%   |
| Bất động sản                  | 0.97%  | 3.66%  | 4.28%   |
| Công nghệ Thông tin           | 1.45%  | 2.09%  | 0.82%   |
| Dầu khí                       | 1.32%  | 1.47%  | 2.44%   |
| Dịch vụ tài chính             | 0.07%  | 8.15%  | 11.93%  |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -1.62% | 1.66%  | 0.57%   |
| Du lịch và Giải trí           | 1.10%  | 2.91%  | 3.26%   |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp    | -0.66% | 2.64%  | 1.47%   |
| Hàng cá nhân & Gia dụng       | 0.24%  | 3.04%  | -1.19%  |
| Hóa chất                      | -0.11% | 1.43%  | 4.09%   |
| Ngân hàng                     | 1.00%  | 5.00%  | 7.45%   |
| Ô tô và phụ tùng              | 0.24%  | 1.42%  | 4.03%   |
| Tài nguyên Cơ bản             | -0.14% | 8.89%  | 7.81%   |
| Thực phẩm và đồ uống          | -1.21% | 1.87%  | 5.28%   |
| Truyền thông                  | -0.47% | 3.16%  | 6.69%   |
| Viễn thông                    | 0.00%  | 0.00%  | -0.34%  |
| Xây dựng và Vật liệu          | -0.84% | 2.34%  | 10.46%  |
| Y tế                          | -0.20% | -0.61% | 2.38%   |

Nguồn: Fiinpro, BSC

| VN INDEX  |           |
|-----------|-----------|
| Xu hướng  | Tích lũy  |
| Kháng cự  | 1350      |
| Hỗ trợ    | 1100      |
| Điểm PTKT | TRUNG LẬP |



TV TradingView

Nguồn: Tradingview, BSC

Cập nhật thị trường

Sau khi hoàn thành mẫu hình 3 white soldiers, thị trường đang thể hiện sự lưỡng lự với sự xuất hiện của cây nến Doji. Nếu thị trường đóng cửa dưới ngưỡng 1250 thì nhiều khả năng trong ngắn hạn chỉ số sẽ tích lũy quanh vùng 1235-1255 để lấy đà bật lên, còn nếu không thì chỉ số sẽ tiếp tục con đường chinh phục gap 1260-1280.



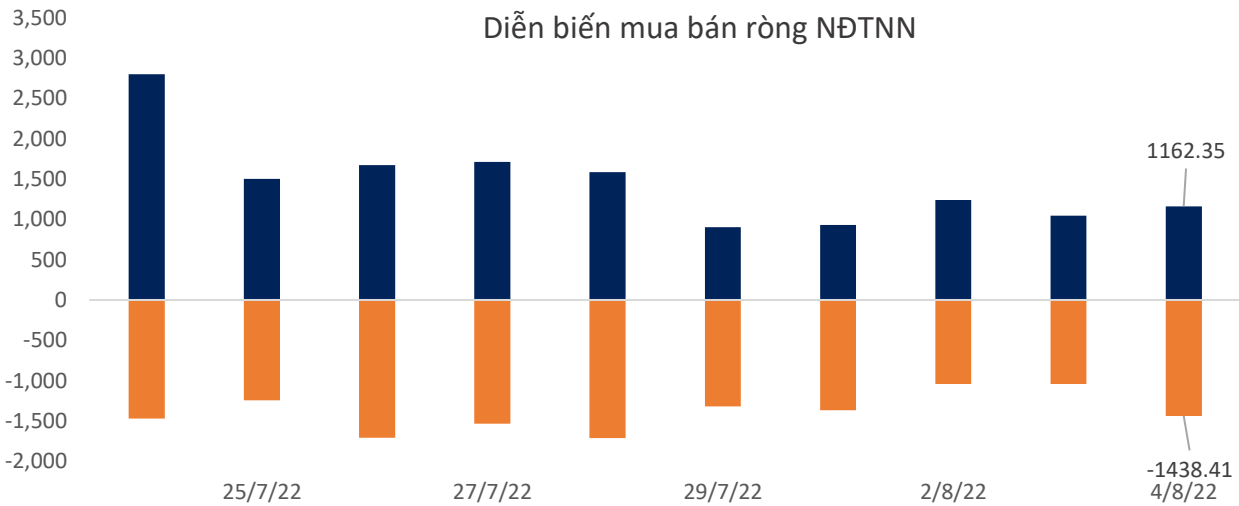
Khối ngoại: Diamond, Fubon FTSE biến động trái chiều

| ETF          | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng<br>chỉ quỹ | %<br>Premium | Dòng vốn ròng (triệu USD) |       |        |        | Nhận định                                                                                                                                                                                                 |
|--------------|------------------|-----------------|--------------------|--------------|---------------------------|-------|--------|--------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|              |                  |                 |                    |              | 1D                        | 1W    | 1M     | 3M     |                                                                                                                                                                                                           |
| E1VFN30      | 342.8            | 1.0             | (0.0)              | -3.5%        | 0.0                       | -2.3  | -5.3   | -15.1  | ETF Fubon FTSE tăng nhẹ, Diamond giảm mạnh quy mô, các ETF khác có trạng thái cân bằng và giữ nguyên quy mô.<br>Khối ngoại bán ròng ở thị trường Đài Loan, Thái Lan và mua ròng ở các thị trường còn lại. |
| FUEMAVN30    | 28.0             | 0.7             | 0.0                | -3.0%        | 0.0                       | 0.0   | 0.0    | 0.8    |                                                                                                                                                                                                           |
| FUESSVFL     | 138.4            | 0.8             | (0.0)              | -3.6%        | 0.0                       | 1.4   | 8.2    | 13.2   |                                                                                                                                                                                                           |
| FUESSVN30    | 3.8              | 0.7             | (0.0)              | -3.4%        | 0.0                       | 0.0   | 0.0    | 0.0    |                                                                                                                                                                                                           |
| FUEVFNVD     | 777.6            | 1.2             | (9.3)              | -3.7%        | -11.0                     | -12.1 | -35.7  | 133.9  |                                                                                                                                                                                                           |
| FUEVN100     | 10.7             | 0.7             | (0.0)              | -2.6%        | 0.0                       | 0.3   | 1.5    | 3.0    |                                                                                                                                                                                                           |
| FTSE Vietnam | 286.5            | 34.6            | -                  | -0.3%        | 0.0                       | 15.2  | 16.8   | 13.1   |                                                                                                                                                                                                           |
| FUBON FTSE   | 587.2            | 0.5             | 0.5                | -0.2%        | 0.2                       | 1.9   | 18.4   | 146.1  |                                                                                                                                                                                                           |
| iShare       | 352.5            | 27.4            | -                  | 0.8%         | 0.0                       | -     | (6.7)  | (36.6) |                                                                                                                                                                                                           |
| KIM          | 129.9            | 15.8            | -                  | -0.7%        | 0.0                       | -     | (1.5)  | (17.5) |                                                                                                                                                                                                           |
| PREMIA       | 23.5             | 10.0            | -                  | -0.6%        | 0.0                       | 0.6   | 0.6    | 0.2    |                                                                                                                                                                                                           |
| VNM          | 380.1            | 15.2            | -                  | 0.4%         | 0.0                       | -     | (13.2) | (19.1) |                                                                                                                                                                                                           |

| Khối ngoại (tr. USD) | Ngày     | Lũy kế từ đầu tuần | Lũy kế từ đầu tháng |
|----------------------|----------|--------------------|---------------------|
| Việt Nam             | 17.11    | 107.05             | 107.05              |
| ASEAN4*              | 71.42    | (167.83)           | (167.83)            |
| Ấn Độ                | 503.23   | 1,390.10           | 1,390.10            |
| Đài Loan             | (127.10) | (1,342.76)         | (1,342.76)          |
| Hàn Quốc             | 252.21   | 950.11             | 950.11              |
| Nhật Bản             |          | (902.68)           | 4,963.20            |
| Trung Quốc           |          |                    | 67,469.18           |

Ghi chú: \* Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia

| Credit Default Swap | MoM %  |
|---------------------|--------|
| Việt Nam            | -21.10 |
| Trung Quốc          | -1.02  |
| Singapores          | -21.10 |
| Phillippines        | -16.96 |
| Malaysia            | -28.95 |



Nguồn: Fiinpro, BSC



| Mặt hàng  | Đơn vị   | 5/8      | % Sáng | 4/8      | % Ngày | % Tuần  | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|-----------|----------|----------|--------|----------|--------|---------|---------|--------------------|--------------------|
| Dầu WTI   | USD/bbl. | 88.48    | -0.07% | 88.54    | -2.34% | -10.28% | -6.84%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| Dầu Brent | USD/bbl. | 94.01    | -0.12% | 94.12    | -2.75% | -9.58%  | -3.17%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| Xăng      | USd/gal. | 278.00   | -0.48% | 279.35   | -4.08% | -10.70% | -10.05% | PLX, OIL           | HVN, VJC           |
| Vàng      | USD/oz.  | 1,794.26 | 0.17%  | 1,791.28 | 1.47%  | 1.60%   | 3.19%   | PNJ                |                    |
| Bạc       | USD/oz.  | 20.24    | 0.31%  | 20.18    | 0.58%  | -0.57%  | 5.38%   | PNJ                |                    |
| Đậu tương | USD/cwt. | 1,418.00 | 0.02%  | 1,417.75 | 3.50%  | -3.44%  | 7.20%   | HKB                | DBC, QNS           |
| Lúa mì    | USd/bu.  | 793.25   | 1.37%  | 782.50   | 2.45%  | -1.80%  | -1.40%  |                    | AFX                |
| Sữa       | USd/bu.  | 19.55    | 0.36%  | 19.48    | -2.11% | -3.74%  | -9.24%  | VNM, GTN, QNS      | KDC                |
| Cao su    | JPY/kg.  | 228.70   | 0.48%  | 227.60   | -0.87% | -3.50%  | -12.11% | DPR, PHR, HAG, HNG | SRC, CSM, DRC      |
| Đường     | USd/lb.  | 17.55    | -1.24% | 17.77    | 0.45%  | -0.96%  | -1.40%  | SBT, LSS, SLS, QNS | VNM, GTN, QNS      |
| Cà phê    | USd/lb.  | 219.30   | 2.17%  | 214.65   | 2.26%  | 0.41%   | -0.79%  | CTP, DLG           | VCF, CTP           |
| Đồng      | USD/MT   |          |        | 7,727.50 | 0.65%  | -0.44%  | 0.75%   | MSN, ACM, BGM      | CAV, SAM, TGP, VTH |
| Thép      | CNY/MT   | 3,990.00 | -0.99% | 4,030.00 | -1.64% | -0.60%  | -4.55%  | HSG, HPG, NKG      | PC1, CTD, HBC      |
| Nhôm      | USD/MT   |          |        | 2,403.00 | 1.05%  | -2.16%  | 0.46%   |                    | CAV, SAM, TGP, VTH |
| Quặng sắt | CNY/MT   | 694.00   | -1.56% | 705.00   | -2.89% | -3.07%  | 4.05%   |                    | HPG                |
| Than      | USD/MT   |          |        | 365.00   | -3.58% | -10.12% | -4.39%  | HLC, NBC, TNT, THT | HT1, BCC, PPC, POW |

Ghi chú: USD = US Cent

## Cập nhật thị trường

Giá dầu giảm xuống mức thấp nhất kể từ trước khi xung đột Nga – Ukraine hồi tháng 02/2022 vào ngày 04/8, khi nhà đầu tư lo ngại về khả năng suy thoái kinh tế vào cuối năm nay có thể ảnh hưởng đến nhu cầu năng lượng.

Dầu BRENT (USD/thùng)



Vàng (USD/oz.)



Nguồn: Bloomberg, BSC

# Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của CTCP Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thaiholdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 8 3821 8885  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>  
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu  
[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)  
(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC  
[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)  
(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center  
[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)  
(+84)2437173639

## Mạng lưới Nhà đầu tư BSC

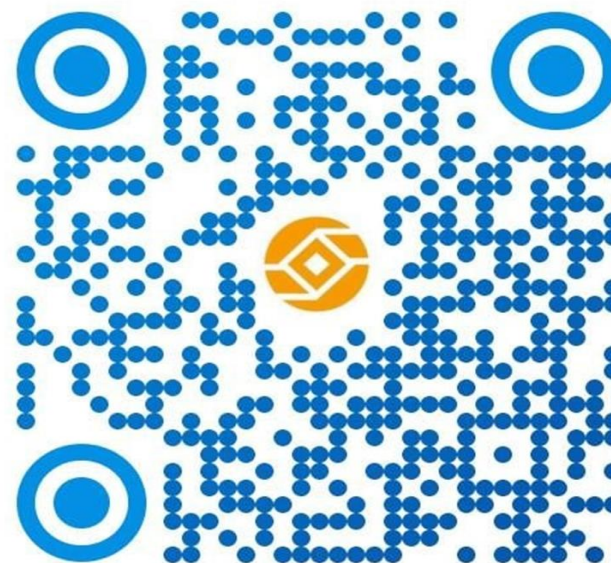
\* Quý nhà đầu tư vui lòng đặt câu hỏi tại phần bình luận để được tư vấn trực tiếp.

\* Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)



### DANH MỤC BÁO CÁO BSC

Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app Zalo để tham khảo các



### CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app Zalo để tham gia